

**Phụ lục II**  
**BẢNG XẾP LOẠI, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA,**  
**MỘT CỬA LIÊN THÔNG CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG**  
*(Ban hành kèm theo Công văn số       /BC-VPUBND ngày       /11/2025*  
*của Văn phòng UBND tỉnh)*

*(Trích xuất trên Cổng Dịch vụ công quốc gia ngày 14/11/2025)*

| STT | ĐƠN VỊ               | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ   |
|-----|----------------------|---------------|-----------------|
| 1   | UBND xã Tuy An Đông  | 94,29         | <b>Xuất sắc</b> |
| 2   | UBND xã Hòa Mỹ       | 94,15         | <b>Xuất sắc</b> |
| 3   | UBND xã Cư Pui       | 94,13         | <b>Xuất sắc</b> |
| 4   | UBND xã Phú Xuân     | 94,12         | <b>Xuất sắc</b> |
| 5   | UBND xã Ea Kly       | 94,12         | <b>Xuất sắc</b> |
| 6   | UBND xã Hòa Xuân     | 94,09         | <b>Xuất sắc</b> |
| 7   | UBND xã Tuy An Bắc   | 94,08         | <b>Xuất sắc</b> |
| 8   | UBND xã Ea Păl       | 94,05         | <b>Xuất sắc</b> |
| 9   | UBND xã Liên Sơn Lắc | 94,03         | <b>Xuất sắc</b> |
| 10  | UBND phường Tân Lập  | 93,99         | <b>Xuất sắc</b> |
| 11  | UBND xã Krông Bông   | 93,99         | <b>Xuất sắc</b> |
| 12  | UBND xã Hòa Thịnh    | 93,97         | <b>Xuất sắc</b> |
| 13  | UBND xã Ea Nuôl      | 93,96         | <b>Xuất sắc</b> |
| 14  | UBND xã Krông Ana    | 93,95         | <b>Xuất sắc</b> |
| 15  | UBND xã Buôn Đôn     | 93,92         | <b>Xuất sắc</b> |
| 16  | UBND xã Cư Pong      | 93,84         | <b>Xuất sắc</b> |
| 17  | UBND xã Tân Tiến     | 93,83         | <b>Xuất sắc</b> |
| 18  | UBND xã Hòa Sơn      | 93,81         | <b>Xuất sắc</b> |
| 19  | UBND phường Đông Hòa | 93,81         | <b>Xuất sắc</b> |
| 20  | UBND xã Ea Ô         | 93,77         | <b>Xuất sắc</b> |
| 21  | UBND xã Tam Giang    | 93,77         | <b>Xuất sắc</b> |
| 22  | UBND xã Cuôr Đăng    | 93,76         | <b>Xuất sắc</b> |
| 23  | UBND xã Sơn Thành    | 93,71         | <b>Xuất sắc</b> |
| 24  | UBND xã Tây Hòa      | 93,68         | <b>Xuất sắc</b> |
| 25  | UBND xã Phú Hòa 2    | 93,64         | <b>Xuất sắc</b> |
| 26  | UBND xã Ea Knuék     | 93,63         | <b>Xuất sắc</b> |
| 27  | UBND xã Krông Á      | 93,61         | <b>Xuất sắc</b> |
| 28  | UBND xã Tây Sơn      | 93,61         | <b>Xuất sắc</b> |
| 29  | UBND xã Ea Phê       | 93,54         | <b>Xuất sắc</b> |
| 30  | UBND xã Ea Súp       | 93,53         | <b>Xuất sắc</b> |
| 31  | UBND xã Krông Năng   | 93,44         | <b>Xuất sắc</b> |
| 32  | UBND xã Yang Mao     | 93,43         | <b>Xuất sắc</b> |

| STT | ĐƠN VỊ                    | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ   |
|-----|---------------------------|---------------|-----------------|
| 33  | UBND xã Tuy An Nam        | 93,42         | <b>Xuất sắc</b> |
| 34  | UBND xã Phú Hòa 1         | 93,4          | <b>Xuất sắc</b> |
| 35  | UBND phường Buôn Ma Thuột | 93,28         | <b>Xuất sắc</b> |
| 36  | UBND xã Dang Kang         | 93,28         | <b>Xuất sắc</b> |
| 37  | UBND xã Ea Na             | 93,27         | <b>Xuất sắc</b> |
| 38  | UBND xã Dliê Ya           | 93,25         | <b>Xuất sắc</b> |
| 39  | UBND xã Đắc Liêng         | 93,24         | <b>Xuất sắc</b> |
| 40  | UBND xã Sông Hình         | 93,23         | <b>Xuất sắc</b> |
| 41  | UBND phường Cư Bao        | 93,21         | <b>Xuất sắc</b> |
| 42  | UBND xã Pong Drang        | 93,21         | <b>Xuất sắc</b> |
| 43  | UBND xã Phú Mỹ            | 93,21         | <b>Xuất sắc</b> |
| 44  | UBND xã Ea Drông          | 93,19         | <b>Xuất sắc</b> |
| 45  | UBND xã Cư Mta            | 93,14         | <b>Xuất sắc</b> |
| 46  | UBND xã Sơn Hòa           | 93,07         | <b>Xuất sắc</b> |
| 47  | UBND xã Ea MDroh          | 93,02         | <b>Xuất sắc</b> |
| 48  | UBND xã Đồng Xuân         | 93,01         | <b>Xuất sắc</b> |
| 49  | UBND xã Cư Yang           | 92,9          | <b>Xuất sắc</b> |
| 50  | UBND xã Krông Pắc         | 92,9          | <b>Xuất sắc</b> |
| 51  | UBND xã Tuy An Tây        | 92,81         | <b>Xuất sắc</b> |
| 52  | UBND xã Xuân Phước        | 92,79         | <b>Xuất sắc</b> |
| 53  | UBND phường Hòa Hiệp      | 92,75         | <b>Xuất sắc</b> |
| 54  | UBND xã Quảng Phú         | 92,72         | <b>Xuất sắc</b> |
| 55  | UBND xã Cư M'gar          | 92,67         | <b>Xuất sắc</b> |
| 56  | UBND xã Dray Bhang        | 92,62         | <b>Xuất sắc</b> |
| 57  | UBND xã Hòa Phú           | 92,59         | <b>Xuất sắc</b> |
| 58  | UBND phường Tân An        | 92,55         | <b>Xuất sắc</b> |
| 59  | UBND phường Phú Yên       | 92,55         | <b>Xuất sắc</b> |
| 60  | UBND xã Ea Ning           | 92,52         | <b>Xuất sắc</b> |
| 61  | UBND xã Suối Trai         | 92,52         | <b>Xuất sắc</b> |
| 62  | UBND xã Ô Loan            | 92,48         | <b>Xuất sắc</b> |
| 63  | UBND xã Ea Wer            | 92,37         | <b>Xuất sắc</b> |
| 64  | UBND xã Vân Hòa           | 92,33         | <b>Xuất sắc</b> |
| 65  | UBND xã Ea Kar            | 92,27         | <b>Xuất sắc</b> |
| 66  | UBND xã Ea Knốp           | 92,23         | <b>Xuất sắc</b> |
| 67  | UBND xã Ea Bá             | 92,21         | <b>Xuất sắc</b> |
| 68  | UBND phường Buôn Hồ       | 92,12         | <b>Xuất sắc</b> |
| 69  | UBND phường Thành Nhất    | 91,94         | <b>Xuất sắc</b> |
| 70  | UBND phường Xuân Đài      | 91,94         | <b>Xuất sắc</b> |

| STT | ĐƠN VỊ                | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ |
|-----|-----------------------|---------------|---------------|
| 71  | UBND xã Nam Ka        | 91,87         | Xuất sắc      |
| 72  | UBND xã Ea Khăl       | 91,86         | Xuất sắc      |
| 73  | UBND phường Tuy Hòa   | 91,82         | Xuất sắc      |
| 74  | UBND xã Xuân Lãnh     | 91,78         | Xuất sắc      |
| 75  | UBND xã Ia Lốp        | 91,75         | Xuất sắc      |
| 76  | UBND xã Krông Nô      | 91,74         | Xuất sắc      |
| 77  | UBND xã Ea Tul        | 91,64         | Xuất sắc      |
| 78  | UBND xã Ea Hiao       | 91,48         | Xuất sắc      |
| 79  | UBND xã Đăk Phoi      | 91,43         | Xuất sắc      |
| 80  | UBND xã Krông Búk     | 91,37         | Xuất sắc      |
| 81  | UBND xã Ea HLeo       | 91,19         | Xuất sắc      |
| 82  | UBND phường Sông Cầu  | 91,13         | Xuất sắc      |
| 83  | UBND xã Xuân Thọ      | 90,96         | Xuất sắc      |
| 84  | UBND xã Dur Kmăl      | 90,79         | Xuất sắc      |
| 85  | UBND phường Bình Kiến | 90,76         | Xuất sắc      |
| 86  | UBND xã Ea Bung       | 90,3          | Xuất sắc      |
| 87  | UBND xã Ia Rvê        | 90,13         | Xuất sắc      |
| 88  | UBND xã Xuân Lộc      | 89,95         | Tốt           |
| 89  | UBND xã Cư Prao       | 89,92         | Tốt           |
| 90  | UBND xã Ea Trang      | 89,89         | Tốt           |
| 91  | UBND xã Ea Ly         | 89,77         | Tốt           |
| 92  | UBND xã Ea Kiết       | 89,44         | Tốt           |
| 93  | UBND phường Ea Kao    | 88,94         | Tốt           |
| 94  | UBND xã Vụ Bôn        | 88,8          | Tốt           |
| 95  | UBND xã Đức Bình      | 88,77         | Tốt           |
| 96  | UBND xã MĐrăk         | 88,65         | Tốt           |
| 97  | UBND xã Ea Riêng      | 88,38         | Tốt           |
| 98  | UBND xã Ea Rôk        | 87,95         | Tốt           |
| 99  | UBND xã Ea Wy         | 87,78         | Tốt           |
| 100 | UBND xã Ea Drăng      | 87,18         | Tốt           |
| 101 | UBND xã Ea Ktur       | 85,89         | Tốt           |
| 102 | UBND xã Xuân Cảnh     | 85,09         | Tốt           |